

**PHỤ LỤC SỐ 04
APPENDIX 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

**Tên Công ty/Name of Company Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh
Năm báo cáo/Year 2018**

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 5700478344
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 36.000.000.000 (Ba mươi sáu tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 102.319.826.383 (đồng)
- Địa chỉ/ Address: Khu Bí Trung I P. Phương Đông - thành phố Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh - VN
- Số điện thoại/ Telephone: 0333854274
- Số fax/ Fax: 0333854263
- Website: W W W. quangninhpine.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any):

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now). Được thành lập 1979 với tên gọi: Xí nghiệp Thông Quảng Ninh
- Từ năm 1979 đến 31/12/2003 là doanh nghiệp Nhà nước với nhiệm vụ chính là quản lý bảo vệ, xây dựng phát triển rừng và sản xuất nông - Lâm kết hợp.
- Năm 2000 được đổi tên thành: Công ty Thông Quảng Ninh
- Thực hiện quyết định số: 4647/QĐ - UB ngày 17/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh, từ ngày 01 tháng 01 năm 2004 công ty Thông Quảng Ninh chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Từ ngày 01/01/2004 đến nay giữ nguyên tên là : Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh

- Các sự kiện khác/Other events

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years). Khai thác, thu mua, chế biến nhựa thông xuất nhập khẩu sản phẩm nhựa thông, tùng hương và dầu thông

- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

- Địa bàn kinh doanh trụ sở chính: và tổ chức sản xuất và chế biến: Khu B1 trung I, Phường Phương Đông - thành phố Uông Bí - Quảng Ninh - VN

- Địa điểm: khai thác, thu mua nhựa thông trên đại bàn tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh có khai thác nhựa thông, nhập khẩu nhựa thông.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm: trong nước và xuất khẩu

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model. Hạch toán kinh tế độc lập, quản lý tập trung

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure.

+ Hội đồng quản trị:

1. Ông: Dương Văn Thơm, chủ tịch hội đồng quản trị - Tổng giám đốc

2. Ông: Trần Việt Hùng thành viên hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc

3. Ông: Dương Trọng Hiếu, thành viên hội đồng quản trị - Phó tổng giám đốc

+ Ban kiểm soát:

1. Ông; Trần Văn Sơn; Trưởng phòng kế toán - Trưởng ban kiểm soát

2. Ông; Nguyễn Mạnh Khiêm; Trưởng phòng xuất khẩu 1 thành viên ban kiểm soát

3. Ông; Tạ Ngọc Vượng; Quản đốc phân xưởng dịch vụ thành viên, ban kiểm soát

+ Các phòng nghiệp vụ:

1. Phòng kế hoạch nguyên liệu - kinh doanh tiêu thụ

2. Phòng Tài chính - kế toán
3. Phòng xuất 1
4. Phòng xuất khẩu 2
5. Phòng kỹ thuật - quản lý tài nguyên rừng
6. Phòng tổ chức, hành chính
7. Bộ phận quản lý kho

+ các phân xưởng:

1. Phân xưởng chế biến chung:

- Xưởng chế biến số 1
- Xưởng chế biến số 2
- Xưởng chế biến số 3
- Xưởng chế biến số 4

+ Các đội, ban quản lý khai thác nhựa thông:

1. Đội Bãi Dài - thành Phố Uông Bí - Quảng Ninh
 2. Đội Bãi Soi - thành Phố Uông Bí - Quảng Ninh
 3. Đội Khe Cát - thành xã Quảng Yên - Quảng Ninh
 4. Đội Thống Nhất - huyện Hoàng Bồ - Quảng Ninh
 5. Đội Mộc Bài - huyện Vân Đồn - Quảng Ninh
 6. Ban quản lý Phương Đông - thành phố Uông Bí - Quảng Ninh
 7. Ban quản lý hoàng Tân - thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh
 8. Ban quản lý Lê Lợi - huyện Hoàn Bồ - Quảng Ninh
- Tổng số lao động đến ngày 31/12/2018: 340 người

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*).

+ Công ty cổ phần Thông Quảng Phú

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Đông Hà thành phố Đông Hà - tỉnh Quảng Trị
Số tiền vốn góp của công ty cổ phần Thông Quảng Ninh là 5,4 tỷ đồng (Năm tỷ tư đồng)

- Ngành nghề kinh doanh: Thu mua, chế biến nhựa thông và tiêu thụ sản phẩm

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company.*

Sản xuất, kinh doanh bền vững chú trọng phát triển vùng nguyên liệu, nghiên cứu công nghệ chế biến các sản phẩm, sau chế biến nhựa thông

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term. Ổn định sản xuất, kinh doanh đồng thời mở rộng và đầu tư trồng rừng vùng nguyên liệu nhựa thông trong tỉnh Quảng Ninh và những khu vực ngoài tỉnh có điều kiện. nghiên cứu từng bước có chọn lọc các thiết bị công nghệ chế biến sau từng hương và dầu thông phù hợp với thị trường trước mắt cũng như lâu dài...*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

Đảm bảo môi trường bền vững, an sinh xã hội và cộng đồng của công ty được ổn định

5. *Các rủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Chất lượng nhựa thông thu mua trong nước không ổn định, nguồn cung cấp nhựa thông còn nhiều hạn chế, mức độ cạnh tranh mua nguyên liệu nhựa thông trong nước của các doanh nghiệp trong nước và tư thương Trung Quốc ngày càng gia tăng.

- Nguồn nguyên liệu trong nước chưa đủ đáp ứng nhu cầu cho các Nhà máy chế biến nhựa thông trong nước, song xu hướng số nhựa thông thô trong nước bán cho các doanh nghiệp Trung Quốc qua đường tiểu ngạch ngày càng tăng.

- Do nguồn cung cấp nhựa thông trong nước không đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Do vậy Công ty đã tăng cường sản lượng nhựa thông nhập khẩu.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm từng hương và dầu thông, giá bán không ổn định, khó lường.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations*

- Khai thác, thu mua nhựa thông đạt; 28.530 tấn

- Chế biến nhựa thông đạt; 24.550 tấn

- Tiêu thụ sản phẩm, từng hương và dầu thông đạt; 22.101 tấn

- Doanh thu đạt; 941,043 tỷ đồng

- Kim ngạch xuất khẩu đạt; 38.846.271 USD

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt; 56,596 tỷ đồng
 - Tiền lương bình quân của người lao động; 10,25 triệu đồng/ người/ tháng, tính các khoản thu nhập khác thu nhập bình quân của người lao động 12,1 triệu đồng/ người/ tháng.
 - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc..*
 - Khai thác, thu mua nhựa thông trong nước không đạt là do thời tiết không thuận lợi làm cho sản lượng nhựa thông giảm tác động làm tăng giá mua nhựa thông tác động đến hiệu quả kinh doanh thấp. Từ những khó khăn trên Công ty đã tăng cường nhập khẩu nhựa thông có lợi thế về chất lượng và giá cả tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh năm 2018. sản lượng nhựa thông nhập khẩu năm 2018 tăng 6.158 tấn so với năm 2017
 - Tiêu thụ sản phẩm tùng hương và dầu thông đạt 108 (%) so với năm 2017 tăng 1.699 tấn.
 - Doanh thu tăng là do giá bán sản phẩm dầu thông tăng 79 %, tùng hương giảm 11 % so với năm 2017, giá bán dầu thông và tiêu thụ sản phẩm tăng tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh năm 2018.
 - Kim ngạch xuất khẩu tăng là do tiêu thụ sản phẩm tùng hương, dầu thông và giá bán sản phẩm dầu thông tăng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đối với sản phẩm chính tăng là do tiêu thụ sản phẩm và giá bán sản phẩm tăng.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.*
 - Khai thác, thu mua nhựa thông trong năm so kế hoạch tăng 550 tấn đạt 105,67 (%) so với năm 2017 đạt 112,32(%)
 - Chế biến nhựa thông trong năm; 24.550 tấn đạt 101(%) so với hoạch và đạt 102(%) so với năm 2017
 - Doanh thu trong năm tăng 149,249 tỷ đồng đạt 118,85 (%) so với năm 2017
 - Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm đối với kinh doanh đạt gần 199 (%) so với năm 2017

- Tiền lương bình quân của người lao động; 10,25 triệu đồng/ người/ tháng so với năm 2017 đạt 120,59 (%) tính các khoản khác thu nhập bình quân của người lao động 12,1 triệu đồng/ người/ tháng so với năm 2017 đạt 130,1(%)

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

+ Hội đồng quản Trị:

1. Ông; Dương Văn Thơm; chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc

- Sinh ngày 20/09/1962, Quê quán: Kinh Môn - Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; cử nhân chính trị

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ năm 2004 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; Chủ tịch HĐQT, giám đốc, Tổng giám đốc từ năm 2004 đến nay

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 21,98% vốn điều lệ

2. Ông; Trần Việt Hùng thành viên HĐQT - phó tổng giám đốc

- Sinh ngày 30/01/1972 - Quê quán: Thị xã Quảng Yên - Quảng Ninh

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; Trung cấp

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ năm 2007 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; thành viên HĐQT phó giám đốc, phó tổng giám đốc từ năm 2007 đến nay

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 14,43% vốn điều lệ

3. Ông; Dương Trọng Hiếu thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc

- Sinh ngày 08/08/1988 - Quê quán: Kinh Môn - Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

- Trình độ lý luận chính trị; Sơ cấp

- Thời gian tham gia HĐQT; Từ tháng 5 năm 2017 đến nay

- Thời gian giữ chức vụ; Trợ lý Tổng giám đốc từ tháng 5/2013 đến 06/05/2017 từ ngày 07/05/2017 thành viên HĐQT - phó tổng giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,906% vốn điều lệ

* Ban giám đốc:

1. Ông Dương Văn Thơm - Tổng giám đốc
2. Ông Trần Việt Hùng - Phó tổng giám đốc
3. Dương Trọng Hiếu - Phó tổng giám đốc

* Ban kiểm soát:

1. Ông Trần Văn Sơn - Trưởng ban kiểm soát

- Sinh ngày 20/09/1957 Quê quán; Văn Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hóa
- Trình độ chuyên môn; Cử nhân kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị; Trung cấp
- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ tháng 5 năm 2017 đến nay
- Thời gian giữ chức vụ trưởng ban kiểm soát từ tháng 5 năm 2017 đến nay
- Hiện nay trưởng phòng tài chính - kế toán Công ty
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,62% vốn điều lệ

2. Ông Nguyễn Mạnh Khiêm - Thành viên ban kiểm soát

- Sinh ngày 01/06/1981 Quê quán; Phong Hải - Quảng Yên - Quảng Ninh
- Trình độ chuyên môn; Cử nhân kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị; sơ cấp
- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ năm 2009 đến 2012 từ 5/2017 đến nay
- Nhân viên phòng KH nguyên liệu - kinh doanh - tiêu thụ Công ty từ tháng 8/2003 đến tháng 9/2009 từ tháng 10/2009 trưởng phòng xuất khẩu Công ty đến nay
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,212% vốn điều lệ

3. Ông Tạ Ngọc Vượng - Thành viên ban kiểm soát

- Sinh ngày 11/02/1973 Quê quán; Ứng Hòa - Hà Nội
- Trình độ chuyên môn; Cử nhân kinh tế
- Trình độ lý luận chính trị; sơ cấp
- Thời gian tham gia ban kiểm soát từ tháng 04 năm 2014 đến nay
- Công tác tại phân xưởng dịch vụ - Quản đốc PXDV
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,22 % vốn điều lệ
- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year).
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.



+ Số lượng cán bộ, nhân viên, người lao động đến thời điểm 31/12/2018: :340 người, tất cả số người trong danh sách trên đều tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN theo luật lao động.

+ Chính sách với người lao động: Công ty luôn đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Tiền lương bình quân của người lao động năm 2018 đạt 10.25 triệu đồng/ người/ tháng đạt 120,59 (%) so với năm 2017, tính các khoản thu nhập khác bình quân thu nhập của người lao động đạt 12,1 triệu đồng/người/ tháng đạt 130,1 (%) so với năm 2017

+ Các nội dung liên quan đến người lao động, Công ty thực hiện nghiêm túc theo quy định của luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons in case of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

+Dự kiến tổng mức đầu tư, xây dựng mới, thay thế dây chuyền chiến biến nhựa thông do sự cố hoả hoạn ngày 21/06/2018 là;14.890.350.000 đồng đã đi vào hoạt động tháng 11/2018 đạt tiêu chuẩn về thiết bị công nghệ và chất lượng sản phẩm xuất khẩu 100%.

.b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*.

+Nhìn chung Công ty cổ phần Thông Quảng Phú hoạt động sản xuất, kinh doanh tốt, cổ tức được phân phối năm 2017 cho Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh là; 1.331.640.000 đồng

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 31/12/2017	Năm/Year 31/12/2018	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ			

chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non- bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	408.504647.164	521.885.871.801	27,7
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	781.940.430.855	931.461.317.115	19,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	23.539.850.799	52.918.871.663	124,8
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	4.925.019.634	3.677.531.140	-25,4
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	28.464.870.433	56.596.402.803	98,8
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	23.296.068.274	45.487.620.242	95,2
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	31.56 %		
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and</i>			

payables			
Lợi nhuận trước thuế/ Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year31/12/2017	Năm/Year31/12/2018	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:	1,09	1,24	Bình thường
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)			
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:	0,0016	0,0023	Bình thường
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn	1,77	0,68	Hàng tồn kho tăng
<u>Short term Asset - Inventories</u>			
Short term Debt			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản(Debt/Total assets ratio)	0,75	0.73	Tăng vốn vay vốn lưu động
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở			

hữu(<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	2,99	2.7	hang tồn kho cao Do vay vốn tăng để bổ sung vốn lưu động
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	5,19 1,91	3,8 1,784	Do giá vốn hàng tồn kho tăng Do vay vốn tăng
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,03 0,228 0,057 0,036	0,048 0,322 0,087 0,056	tăng lợi nhuận thuần tăng do lợi nhuận thuần tăng do lợi nhuận thuần Tăng do lợi nhuận

.....			thuần
-------	--	--	-------

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bank financial institutions:*

Chỉ tiêu/ <i>Figures</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Quy mô vốn/ <i>Capital scale</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
- Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
- Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
- Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
- Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
- Nợ quá hạn/ <i>Outstanding debts</i>			
- Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			

47
ÔN
Ồ
TH
JÁ
B

- Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh(<i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ(<i>Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio</i>)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ(<i>Bad debt/Total debt Ratio</i>)			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
- Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
- Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is*

required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Tổng số cổ của Công ty đang lưu hành là: 3.599.980 cổ phần

trong đó:

+ Số cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 1.479.305 cổ phần

+ Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng gồm hội đồng quản trị và ban kiểm soát là; 2.120.675 cổ phần (trong thời hạn 5 năm sau kết thúc tham gia)

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties

e) Các chứng khoán khác/ Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

- Công tác môi trường của Công ty luôn được đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/ *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

- Nhựa thông đưa vào chế biến trong năm là 24.550 tấn

- Sản phẩm thu hồi đóng gói: Tùng hương; 17.330 tấn, dầu thông; 3.935 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/ *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

- Tỷ lệ thu hồi sản phẩm tùng hương và dầu thông là 86,6%/ 1 tấn nhựa thông qua chế biến trong đó; tùng hương thu hồi 70,5%, dầu thông 16,1%

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ *Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ *Energy consumption - directly and indirectly.*

- Tiêu thụ than đơn: 2.147 tấn

- Tiêu thụ điện năng là; 1.534.084 KW trong đó dùng cho sản xuất; 1.414.084 kw, dùng cho công tác quản lý; 120.000 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ *Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/ *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*

- Tiêu thụ nước do Nhà nước cung cấp trong năm là; 77.906 M3 trong đó, dùng cho sản xuất; 73.906 M3, dùng cho quản lý, 4.000 M3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

- Tái sử dụng nước Công ty đang nghiên cứu và thử nghiệm để tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. không*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ *Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*

- Số lao động đến 31/12/2018; 340 người tiền lương bình quân tháng 10,25 triệu đồng/ người/ tháng, tính các khoản thu nhập khác thu nhập bình quân của người lao động đạt 10,9 triệu đồng/người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

+ Công ty trang bị BHLĐ trang thiết bị cần thiết cho người lao động theo quy định, khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động, đồng thời hỗ trợ kinh phí cho người lao động, tham quan du lịch, thăm hỏi ốm đau và thăm viếng người thân qua đời...

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

+ Hàng năm công ty bồi dưỡng, học tập nâng cao tay nghề cho người công nhân lao động để nâng cao tay nghề, như thi nâng cấp bậc lương cho các ngành nghề theo yêu cầu của doanh nghiệp.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

+ Công ty hỗ trợ kinh phí khuyến khích người lao động tham gia học tập chuyên môn, kỹ thuật thông qua các trường đào tạo, từ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học cho các đối tượng có nhu cầu.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

+ Hàng năm công ty hỗ trợ cho các đối tượng người nghèo, Mẹ VNAH, trẻ mồ côi, trẻ tàn tật, vùng khó khăn và trồng rừng trong và ngoài tỉnh với số tiền tài trợ là; 3,6 tỷ đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC.*

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).

+ Đánh giá chung mặc dù trong năm qua việc sản xuất và kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, song sự đoàn kết nội bộ, bám sát thị trường, dự báo kịp thời những biến động tăng, giảm giá của thị trường nguyên liệu trong nước cũng như nhập khẩu nhựa thông tạo được những lợi thế về giá vốn nguyên liệu để bù đắp do giảm giá bán sản phẩm trong nước cũng như xuất khẩu. Năm 2018 hiệu quả SXKD đạt khá

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

+ Cụ thể năm 2018 sản lượng nhựa đưa vào chế biến đạt 25.594 tấn trong đó gia công 1.044 (tấn) so với năm 2017 tăng 1.544 tấn đạt 106.4 (%)

+ Nhựa thông nhập khẩu năm 2018 đạt 16.887 tấn chiếm tỷ trọng 59,1% / tổng số sản lượng nhựa thông khai thác và thu mua của công ty.

+ Tài nguyên rừng được giữ vững.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment

of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results).

+ Tình hình tài sản sử dụng vốn năm 2018 cao hơn năm 2017, tuy nhiên trong bối cảnh kinh tế năm 2018 luôn biến động khó lường thì kết quả đó đã phản ánh sự cố gắng của Công ty trong điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

+ Các khoản thanh toán nợ đến hạn Công ty luôn đảm bảo đúng hạn không có nợ quá hạn đối với khách hàng...

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results.*

+ Chênh lệch tỷ giá vay ngoại tệ có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD, nhưng cân đối bù đắp một phần từ tiền doanh thu hàng xuất khẩu của khách hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

+ Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại lao động hợp lý, cải tiến quy trình sản xuất để sản phẩm đạt chất lượng tốt hơn, tỷ lệ thành phẩm thu hồi cao hơn, quản lý chặt chẽ chất lượng nhựa thông nhập kho, nâng cao năng suất lao động nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả trong kinh doanh.

+ Chính sách tiền lương tiếp tục có sự thay đổi khi thực hiện cơ chế khoán tiền lương cho các phòng ban, bộ phận gắn liền với kết quả đạt được trong năm. Chính cơ chế khoán là động lực thúc đẩy tinh thần và thái độ làm việc của người lao động được tốt hơn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*

+ Công ty tiếp tục nâng cao sản lượng thu mua, khai thác và nhập khẩu nhựa thông để đảm bảo đủ nguyên liệu nhựa thông chế biến cho cả 4 dây chuyền đạt công suất thiết bị. Đồng thời đảm bảo dự trữ nguyên, vật liệu tồn kho hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/*Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).* Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

+ Công tác, tác động môi trường về tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải cơ bản chấp hành tốt theo quy định của pháp luật hiện hành

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

+ Công ty luôn đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, quan tâm sức khỏe và phúc lợi đến người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Review concerning corporate responsibility towards the local community*

+ Công tác xã hội Công ty luôn quan tâm thực hiện kịp thời những hoàn cảnh khó khăn của người nghèo trên địa bàn, hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị khó khăn trong và ngoài tỉnh thường xuyên cũng như đột xuất...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

+ Trong quá trình hoạt động luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuân thủ mọi hoạt động theo điều lệ công ty, phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ, chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước cổ đông và người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

+ Năng động, sáng tạo, luôn tìm hướng đi thích hợp trong điều hành các hoạt động chung của Công ty, phát huy dân chủ, đoàn kết nội bộ, chăm lo đến quyền và lợi ích của người lao động và các cổ đông.

+ Năm 2018 hoàn thành tốt nhiệm vụ trong điều hành sản xuất, kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế chính đều đạt và vượt mức so với mức đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans, orientations of the Board of Directors*

+ Kế hoạch, định hướng của của hội đồng quản trị đã trình bày và thông qua tại đại hội đồng cổ đông năm 2018 (Nhiệm kỳ 2017 - 2021)

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

+Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 (nhiệm kỳ năm 2017 - 2021) của Công ty có 3 thành viên như sau:

1. Ông: Dương Văn Thơm - Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; 21,98% vốn điều lệ của công ty

- Chức danh nắm giữ ở Công ty khác - chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc công ty cổ phần Thông Quảng Phú (Quảng Trị)

2. Ông: Trần Việt Hùng- thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; 14,23% vốn điều lệ của công ty

- Chức danh nắm giữ ở Công ty khác - Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc công ty cổ phần Thông Quảng Phú (Quảng Trị)

3. Ông: Dương Trọng Hiếu - thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết; 1,905% vốn điều lệ của công ty

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

+ Số lượng, nội dung, kết quả các cuộc họp HĐQT năm 2018;

STT	NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	NQ HĐQT số 01/NQ - HĐQT	10/04/2018	- Về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh Điều 1: Thông qua kế hoạch

			<p>SXKD năm 2018.</p> <p>Điều 2:</p> <p>- Tổng số tiền đề nghị cấp tín dụng quy đồng Việt Nam là: 210.000.000.000 VNĐ (Hai trăm mười tỷ đồng)</p> <p>+ Hạn mức cho vay: 8.900.000 USD (Tám triệu chín trăm ngàn đô la Mỹ) tỷ giá tạm tính 23.000 VNĐ/USD</p> <p>+ Hạn mức phát hành LC: 230.000 USD (Hai trăm ba mươi ngàn đô la Mỹ)</p> <p>mục đích cấp tín dụng là; sử dụng linh hoạt hạn mức cấp tín dụng để vay vốn lưu động bổ sung cho nguồn vốn ngắn hạn, phát hành bảo lãnh, phát hành thư tín dụng... phục vụ hoạt động SXKD của Công ty. Thời gian vay tối đa 6 tháng (theo từng giấy nhận nợ) thông qua việc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của Công ty theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>Điều 3: Giao cho Ông: Dương Văn Thơm; Chủ tịch HĐQT - TGD Công ty là người đại diện của Công ty cổ phần Thông Quảng Ninh thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua thực hiện thủ tục để ký kết thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản có liên quan với Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật</p> <p>Trong trường hợp ông; Dương Văn Thơm vắng</p>
--	--	--	---

			<p>mặt hoặc không thể trực tiếp ký kết các văn bản và các giấy tờ liên quan đến vay vốn Ngân hàng, HĐQT đồng ý giao cho ông Trần Việt Hùng chức vụ thành viên HĐQT - phó TGD và/ hoặc Ông Dương Trọng Hiếu, TV HĐQT chức vụ: Phó tổng giám đốc công ty được thực hiện thủ tục để ký kết thỏa thuận, hợp đồng và các văn bản có liên quan với Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật..</p>
2	BB hợp HĐQT - BGD	10/04/2018	<p>- Phân công nhiệm vụ tiếp theo cho đồng chí Dương Trọng Hiếu phó tổng giám đốc.như sau:</p> <p>-Ủy quyền được phép đăng Ký chữ ký tại ngân hàng, ký các hồ sơ, chứng từ gồm: séc lĩnh tiền mặt, uỷ nhiệm chi các chứng từ thanh toán khác và uỷ quyền được phép ký các giấy tờ liên quan, thủ tục vay vốn ngân hàng tại chi nhánh Ngoại thương Quảng Ninh khi tổng giám đốc vắng mặt.</p> <p>- Phân công nhiệm vụ nêu trên của đồng chí Dương Trọng Hiếu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc công ty và pháp luật.</p>
3	Quyết định số: 489/QĐ - HĐQT	14/08/2018	<p>-Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng phân xưởng chế biến sô 3 dây chuyền 4 tại Phường P. Đông, U bí, QN</p>

04
CÔ
CÔ
T
QU
/G

			<p>- Do sự cố kỹ thuật chập cháy hệ thống dẫn điện pa lăng tời tại khu vực bồn hoá lỏng dây chuyền số 3 ngày 21/06/2018. Hậu quả bị cháy hoàn toàn không thể khôi phục sản xuất, kinh doanh. HĐQT thống nhất đầu tư xây dựng mới dây chuyền sản xuất chế biến nhựa thông số 3 sau vụ cháy</p> <p>- Công suất thiết kế, chế tạo: 20.000 tấn nhựa năm được nhập khẩu Trung Quốc với công nghệ sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế</p> <p>- Tổng mức đầu tư (chưa bao gồm thuế VAT) 14.890.350.000 đồng trong đó: +/Thiết bị chế biến, bồn chứa nhựa, bồn chứa dầu ; 9.500.000.000 đồng</p> <p>+/ Nhà xưởng, nhà kho: 3.440.350.000 đồng</p> <p>+/ Vật kiến trúc (bể chứa nước; 450.000.000 đồng</p> <p>+/ Thiết bị phòng chống cháy nổ; 700.000.000 đồng</p> <p>+/Hạ tầng và phụ trợ khác; 800.000.000 đồng</p>
4	HĐQT họp với ban giám đốc công ty		- Họp hàng tháng hoặc đột xuất

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment*

of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings).

- Nội dung đưa ra bàn bạc, thảo luận trong các cuộc họp HĐQT đều được sự đồng thuận tuyệt đối trong các thành viên HĐQT.

- Các cuộc họp HĐQT tham gia họp cùng ban giám đốc, trưởng các phòng, ban, bộ phận, nhằm bàn bạc, tháo gỡ những khó khăn trong SXKD. Các giải pháp khắc phục, phương hướng thực hiện các nhiệm vụ hàng kỳ, được tổ chức hàng tháng hoặc đột xuất, diễn ra với tinh thần thẳng thắn, xây dựng. Chính vì vậy HĐQT và ban giám đốc luôn phát huy được tính sáng tạo, ý chí tập thể trong việc đưa ra các giải pháp kinh doanh hợp lý.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

1. Ông Trần Văn Sơn - Trưởng ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,62% vốn điều lệ

2. Ông Nguyễn Mạnh Khiêm - Thành viên ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,212% vốn điều lệ

3. Ông Tạ Ngọc Vượng - Thành viên ban kiểm soát

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần và có quyền biểu quyết 1,17% vốn điều lệ

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings*).

- Hoạt động của ban kiểm soát:

+ Năm 2017 ban kiểm soát đã hoạt động đảm bảo đúng quy chế và chức năng, nhiệm vụ quy định tại điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

+ Từng thời gian trong năm ban kiểm soát đều thực hiện công tác kiểm tra, giám sát độ chính xác của các hoạt động phát sinh trong công ty. Giám sát việc HĐQT và ban giám đốc tuân thủ thực hiện theo điều lệ công ty quy định và pháp luật hiện hành.

+ Số lượng, nội dung. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát năm 2018

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	Họp BKS BB	25/03/2018	- Giám sát việc thực hiện chế biến nhựa thông theo quy định của công
2	Họp BKS BB	30/05/2018	- Thông qua nội dung báo cáo của ban kiểm soát trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
3	Họp BKS BB	01/07/2018	- Tham gia việc GPMB sau vụ cháy
4	Họp sản xuất do BGD triệu tập		Thường xuyên và đột xuất

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ *Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently*).

- Các khoản giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc Ban kiểm soát:

STT	Họ Tên	Chức danh	Tổng lương và phụ cấp năm 2018 (đồng)
1	Ông Dương Văn Thơm	CTHĐQT- TGD	739.355.257
2	Ông; Trần Việt Hùng	TV HĐQT - Phó TGD	431.396.185
3	Ông; Dương Trọng Hiếu	TV HĐQT - Phó	753.550.727

		TGD phụ trách xuất nhập khẩu	
4	Ông; Trần Văn Sơn	Trưởng phòng kế toán Trưởng Ban kiểm soát	318.697.600
5	Ông; Nguyễn Mạnh Khiêm	Trưởng Phòng XK ITV BKS	281.250.736
6	Ông; Tạ Ngọc Vượng	Quản đốc PXCĐ TV BKS	266.017.643

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internalshareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh yếu tố tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông quảng Ninh tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh

ngiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

- báo cáo tài chính của Công ty đã được Chi nhánh Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC) tại Quảng Ninh thực hiện hoàn tất công tác kiểm toán năm 2018 vào ngày 14 tháng 03 năm 2019.

Uông Bí ngày 14 tháng 03 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc



Dương Văn Thơm

PH. HN.